

**TÒA ÁN N DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **334/2019/LĐ-PT**

Ngày: 22 - 4 - 2019.

V/v “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường do tai nạn lao động”.

**N DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Thương.

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Minh Cường.

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Lành - Thư ký Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/TLPT-LĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường do tai nạn lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 19/2018/LĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án N dân Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1411/2019/QĐ - PT ngày 27 tháng 3 năm 2019, Quyết định số 1754/2019/QĐ - PT và Quyết định số 1762/2019/QĐ - PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 01 Đường MT, phường P, Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần NV.

Trụ sở: số 18F, đường TN, Khu phố B, phường PL, Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*:

1/ Bà Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1978.

2/ Ông Nguyễn Tôn N, sinh năm 1974.

Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần NV theo Giấy ủy quyền ngày 28 tháng 8 năm 2018.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Xuân T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày như sau:*

Bà T bắt đầu vào làm việc cho Công ty Cổ phần NV (sau đây gọi tắt là Công ty) từ tháng 6/2008. Đến ngày 05/01/2009, bà T và Công ty ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Công việc của bà T là công N sản xuất tấm lợp, làm việc theo sự phân công của tổ trưởng, mức lương cơ bản theo hệ số 1.85 và hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Công ty.

Ngày 25/5/2015, trong lúc quét dọn vệ sinh tại xưởng sản xuất tấm lợp tôn Fibro xi măng của Công ty thì bà T vô ý va chạm vào máy, bị té quy xuống đất dẫn đến chấn thương đứt dây chằng chéo trước gối trái và được đưa đi chữa trị tại bệnh viện. Tại Biên bản giám định thương tật số 0262-16/GĐYK-TNLD ngày 08/9/2016 của Hội đồng giám định y khoa Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận bà Nguyễn Thị Xuân T bị tổn thương cơ thể do tai nạn lao động với tỷ lệ là 15%. Sau khi tai nạn lao động xảy ra, bà T được Công ty trả toàn bộ chi phí điều trị, trả lương đầy đủ trong thời gian điều trị và được Cơ quan bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết chế độ tai nạn lao động một lần với số tiền là 16.355.000đồng.

Đến cuối tháng 02 năm 2017, Tổng giám đốc, Chủ tịch công đoàn, Trưởng phòng hành chính của Công ty mời bà T vào gặp nhiều lần và yêu cầu bà T ký vào các giấy tờ để làm thủ tục thôi việc nhưng không đưa ra lý do chính đáng nên bà T không chấp nhận. Từ ngày 27/02/2017, thì Công ty không cho bà T vào làm việc nhưng không nói rõ lý do. Sau đó, bà T biết được Công ty đã ban hành quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà T. Bà T cho rằng Công ty cho bà thôi việc không có lý do chính đáng, không thông báo trước và không giao quyết định cho thôi việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án N dân Quận c vào ngày 10/11/2017, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần NV phải

có trách nhiệm như sau: Trả tiền lương cho bà trong những ngày không được làm việc; Bồi thường thêm ít nhất 02 tháng tiền lương; Trả trợ cấp thôi việc cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, trong thời hạn 08 năm làm việc; Đóng các khoản bảo hiểm đến tháng 11/2017 và bồi thường do tai nạn lao động dẫn đến thương tật 15%.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và Công ty lập Biên bản thoả Tận ngày 01/3/2018 đã thoả Tận giải quyết tranh chấp như sau: Bà T đồng ý nghỉ việc tại Công ty từ ngày 01/4/2017 theo Quyết định cho thôi việc số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017; Công ty hỗ trợ bà T 02 tháng trợ cấp mất việc làm theo Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 với số tiền 7.495.000 đồng; Ngoài ra, Công ty hỗ trợ thêm cho bà T 03 tháng tiền lương theo hợp đồng do có hoàn cảnh khó khăn là 11.242.500 đồng và hỗ trợ thêm chi phí dự phòng phải mở lại chân là 15.000.000 đồng. Tổng cộng, Công ty hỗ trợ cho bà T số tiền 33.737.500 đồng, bà T đã nhận đủ số tiền này và sổ bảo hiểm xã hội từ Công ty. Đồng thời, bà T đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Toà án Quận c đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Sau đó, bà T liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội để nộp hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp thì được trả lời là đã quá thời hạn nộp hồ sơ nên không được giải quyết. Bà T cho rằng việc thoả Tận tại Biên bản ngày 01/3/2018 là không đảm bảo quyền lợi cho mình nên không thực hiện theo biên bản này và đã nộp đơn khởi kiện lại vào ngày 03/7/2018, với yêu cầu cụ thể như sau:

- Tuyên huỷ quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 của Công ty Cổ phần NV về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà T;

- Trả tiền lương trong những ngày không được đi làm từ ngày 27/02/2017 đến ngày 27/10/2017 là: 2.700.000 đồng x 8 tháng = 21.600.000 đồng;

- Bồi thường thêm ít nhất 02 tháng tiền lương là 5.400.000 đồng do bà T không trở lại làm việc;

- Trả trợ cấp thôi việc mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, trong thời gian làm việc 08 năm, cụ thể là: (2.700.000 đồng: 2) x 8 năm = 10.800.000 đồng;

- Đóng bảo hiểm đầy đủ đến tháng 11/2017;

- Trả chi phí tiếp tục khám chữa bệnh và bồi thường do bị tai nạn lao động dẫn đến thương tật 15% với số tiền là 50.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà T yêu cầu Công ty cổ phần NV phải trả số tiền 87.800.000 đồng trừ đi số tiền 33.737.500 đồng đã nhận nên Công ty còn phải thanh toán số tiền 54.062.500 đồng. Tuy nhiên, nay bà T giảm bớt và chỉ yêu cầu Công ty phải trả 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà T trình bày thêm, vào ngày 20/02/2017, trong lúc bà T đang dọn dẹp vệ sinh tại Công ty thì bị té bật ngựa dẫn đến chấn thương, làm cho vết thương cũ ở chân trái nặng thêm, bà phải điều trị thương tích từ ngày xảy ra tai nạn đến nay. Khi xảy ra tai nạn, Công ty biết nhưng không lập biên bản tai nạn lao động, không trả chi phí điều trị thương tích và không bồi thường tai nạn lao động cho bà. Bà T yêu cầu Công ty phải trả chi phí điều trị và bồi thường tai nạn lao động xảy ra ngày 20/02/2017. Tuy nhiên, hiện bà T chưa cung cấp được hoá đơn chứng từ chi phí điều trị, chưa giám định xác định tỷ lệ thương tích do tai nạn lao động xảy ra vào ngày 20/02/2017.

*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Thị Mỹ T và ông Nguyễn Tôn N thống nhất trình bày:*

Công ty cổ phần NV được thành lập từ ngày 01/02/2001, với ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu là sản xuất kinh doanh tấm lợp Fibro xi măng và sau này bổ sung thêm chế biến gỗ. Từ năm 2013 đến 2015, do truyền thông tuyên truyền về sự độc hại của chất Amiante có trong tấm lợp Fibro xi măng nên nhu cầu thị trường đối với sản phẩm này giảm mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Do Công ty Ta lỗ nặng liên tiếp trong hai năm 2015 và 2016 nên Công ty quyết định ngừng sản xuất kinh doanh tấm lợp kể từ ngày 01/02/2017. Vì lý do kinh tế khó khăn, Công ty phải sắp xếp lại cơ cấu, giảm bớt số lượng việc làm dẫn đến nhiều người phải thôi việc. Công ty đã trao đổi, phối hợp với Công đoàn cơ sở của công ty xây dựng Phương án sử dụng lao động vào ngày 28/12/2016, trong đó nêu rõ lý do phải giảm bớt việc làm, những bộ phận giữ nguyên cơ cấu và N sự, đồng thời lập danh sách 90 người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Công ty đã gửi Phương án sử dụng lao động đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/01/2017 và đồng thời thông báo đến toàn thể cán bộ, công nhân viên của Công ty biết về việc cho người lao động nghỉ việc vì lý do kinh tế theo Thông báo số 01-17/TB/VPCT-NV ngày 03/01/2017. Ngày 17/01/2017, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 1310/SLĐTBXH-VL đồng ý với Phương án sử dụng lao động của Công ty và yêu cầu Công ty giải quyết trợ cấp mất việc làm cho người lao động đúng quy định. Sau đó, Công ty đã tiến hành thủ tục cho thôi việc đối với 90 người lao động theo danh sách đã nêu trong phương án sử dụng lao động, trong đó có bà T.

Bà T vào làm việc cho Công ty từ ngày 07/6/2008. Đến ngày 05/01/2009, bà T và Công ty ký kết hợp đồng lao động số 03/09/NV1/NV với hình thức là hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Công ty đã đóng các loại bảo hiểm cho bà

T đầy đủ theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2009. Sau khi thông báo Phương án sử dụng lao động cho Sở Lao động Thương binh và Xã Hội Thành phố Hồ Chí Minh và thông báo cho toàn thể người lao động biết vào ngày 03/01/2017, đến ngày 30/3/2017 Công ty ban hành Quyết định số 072/2017/QĐ-NV về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà T kể từ ngày 01/4/2017. Công ty đã trả lương và đóng các loại bảo hiểm cho bà T đến hết tháng 03/2017. Đồng thời, đã giải quyết trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 49 Bộ luật lao động với số tiền trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương bình quân theo Hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi bà T nghỉ việc là:  $3.747.500 \text{ đồng} \times 2 = 7.495.000 \text{ đồng}$ .

Ngoài ra, trong thời gian làm việc tại Công ty, vào ngày 25/5/2015, trong lúc quét dọn tôn Fibro xi măng vụn, bà T đã vô ý đụng lưng vào máy bô bàn sản xuất tôn đang chạy nên té quy xuống đất dẫn đến chấn thương đứt dây chằng chéo trước gối trái với tỷ lệ thương tật là 15%. Ngay khi tai nạn lao động xảy ra, Công ty đã tiến hành lập biên bản điều tra tai nạn lao động và đưa bà T đến bệnh viện điều trị thương tích. Công ty đã chi trả toàn bộ chi phí điều trị và trả đầy đủ tiền lương cho bà T trong thời gian điều trị từ tháng 05/2015 đến tháng 06/2016. Đồng thời, bà T cũng được Cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả chế độ tai nạn lao động một lần với số tiền là 16.355.000 đồng. Sau khi điều trị thương tích thì bà T trở lại làm việc bình thường và sau đó thì nghỉ việc kể từ ngày 01/4/2017 theo Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017.

Đến ngày 10/11/2017, bà T nộp đơn khởi kiện tại Toà án N dân Quận c, yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và Công ty lập Biên bản thoả Tận ngày 01/3/2018 về giải quyết toàn bộ tranh chấp với nội dung là: Bà T sẽ đồng ý nghỉ việc theo Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017, Công ty sẽ trợ cấp cho bà T số tiền 33.737.500 đồng (gồm các khoản: 02 tháng trợ cấp mất việc làm 7.495.000 đồng, hỗ trợ chi phí dự phòng phải mổ lại chân là 15.000.000 đồng, hỗ trợ thêm cho bà T 03 tháng tiền lương do có hoàn cảnh khó khăn là 11.242.500 đồng). Trong ngày 01/3/2018, Công ty đã thanh toán số tiền 33.737.500 đồng và trả sổ bảo hiểm cho bà T theo thoả Tận, bà T nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó bà T đã không thực hiện theo Biên bản thoả Tận ngày 01/3/2018 lập giữa các bên mà tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án vào ngày 03/7/2018.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Công ty không chấp nhận toàn bộ bởi các lý do sau:

Do Công ty sản xuất kinh doanh Ta lỗ kéo dài nên phải ngừng toàn bộ hoạt động sản xuất tạm lợp, phải cơ cấu sắp xếp giảm bớt việc làm, dẫn đến 90 người lao động phải chấp dứt hợp đồng. Trước khi cho người lao động thôi việc, Công

ty đã trao đổi, phối hợp với Công đoàn cơ sở của Công ty lập Phương án sử dụng lao động và thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật lao động và hướng dẫn của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc Công ty cho bà T thôi việc là đúng quy định pháp luật. Đồng thời, Công ty cũng đã trả tiền lương, đóng các loại bảo hiểm đầy đủ đến tháng 03/2017, giải quyết trợ cấp mất việc làm bằng 02 tháng lương với số tiền 7.495.000 đồng là đúng theo quy định.

Đối với vụ tai nạn lao động xảy ra ngày 25/5/2015 dẫn đến việc bà T bị thương tật 15% phải nghỉ điều trị trong khoảng thời gian từ tháng 05/2015 đến tháng 06/2016. Công ty đã thanh toán toàn bộ chi phí điều trị và trả lương cho bà T đầy đủ trong thời gian điều trị. Bà T cũng đã nhận được tiền giải quyết chế độ tai nạn lao động một lần từ Cơ quan bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 145 Bộ luật lao động thì Công ty còn phải bồi thường tai nạn lao động cho bà T khoản tiền tương đương 3,5 tháng lương theo hợp đồng lao động tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động, tức là Công ty phải trả cho bà T số tiền 2.127.500 đồng x 3,5 tháng = 7.446.250 đồng.

Như vậy, theo quy định pháp luật thì bà T chỉ được hưởng tiền trợ cấp mất việc làm số tiền 7.495.000 đồng và tiền bồi thường tai nạn lao động 7.446.250 đồng, tổng cộng là 14.941.250 đồng. Ngày 01/3/2018, Công ty đã trả tiền trợ cấp mất việc làm 7.495.000 đồng, bồi thường tai nạn lao động 15.000.000 đồng và hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn cho bà T 03 tháng tiền lương là 11.242.500 đồng, tổng cộng là 33.737.500 đồng. Số tiền Công ty đã trả cho bà T vượt quá số tiền bà T được nhận theo quy định, đã đảm bảo quyền lợi cho bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu Công ty bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và yêu cầu tiếp tục bồi thường do tai nạn lao động là không có cơ sở nên Công ty không chấp nhận.

Riêng đối với vụ việc bà T bị té ngã vào ngày 20/02/2017 thì Công ty có biết nhưng cho rằng đây chỉ là việc té ngã bình thường trong lúc làm việc, không gây thương tích nên không lập biên bản tai nạn lao động. Nếu bà T cho rằng việc té ngã này dẫn đến thương tích phải đi điều trị thì đề nghị bà T cung cấp chứng cứ chứng minh, cung hoá đơn chi phí điều trị thương tích và kết quả giám định xác định tỷ lệ thương tật do tai nạn lao động thì Công ty sẽ xem xét giải quyết sau.

***Tại bản án lao động sơ thẩm số 19/2018/LĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án N dân Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh:***

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 22, 23; khoản 10 Điều 36; khoản 2, khoản 3 Điều 44; Điều 46; Điều 49 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 của Công ty cổ phần NV và yêu cầu Công ty cổ phần NV tiếp tục trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

2. Bà Nguyễn Thị Xuân T được quyền khởi kiện tranh chấp bồi thường do tai nạn lao động xảy ra vào ngày 20/02/2017 tại Công ty cổ phần NV bằng một vụ án lao động khác.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Xuân T được miễn án phí lao động sơ thẩm.
- Công ty cổ phần NV không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 4 tháng 12 năm 2018, bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày các yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Công ty Cổ phần NV phải thanh toán cho bà các khoản sau:*

1. Trả tiền lương từ 27/02/2017 đến ngày 27/10/2017, vì bà chưa nghỉ chính thức tại Công ty, lương căn bản là 2.700.000 đồng/tháng x 8 tháng = 21.600.000 đồng.

2. Bồi thường thêm ít nhất 02 tháng tiền lương với số tiền 2.700.000 đồng x 2 tháng = 5.400.000 đồng.

3. Đóng bảo hiểm đầy đủ các tháng còn thiếu cho đến tháng 11/2017.

4. Trả trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật, bà đã làm việc ở Công ty được 8 năm, mỗi năm nhận 0,5 tháng lương nên số tiền là (2.700.000 đồng/tháng x 0,5) x 8 năm = 10.800.000 đồng.

5. Do Công ty không muốn tiếp tục cho bà làm việc nên phải bồi thường 02 tháng tiền lương, số tiền 2.700.000 đồng x 2 tháng = 5.400.000 đồng.

6. Bồi thường tai nạn lao động xảy ra vào ngày 20/02/2017 với số tiền là 2.700.000 đồng/tháng x (1,5 tháng + (25%-10%) x 0,4 tháng) = 20.250.000 đồng và chi trả các chi phí điều trị, khám chữa bệnh cho bà.

7. Do tai nạn lao động nên hiện nay bà không thể làm việc nặng cũng chưa có khả năng xin được việc làm khác nên yêu cầu Công ty phải bồi thường một số tiền để khám chữa bệnh và lo cho cuộc sống, cụ thể số tiền yêu cầu là 50.000.000 đồng.

8. Thực hiện theo đúng những gì đã cam kết cho đến khi nhận được trợ cấp thất nghiệp.

Tổng số tiền bà yêu cầu Công ty phải trả là 113.450.000 đồng và đóng bảo hiểm cho đến hết tháng 11/2017.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cùng thống nhất trình bày: đối với các yêu cầu kháng cáo của bà T, Công ty có ý kiến như sau:*

Công ty không chấp nhận yêu cầu của bà T hủy Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017, do Công ty giám biên chế vì lý do kinh tế theo Điều 44 Bộ luật Lao động và đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục; Công ty đã trả lương cho bà T đến ngày 31/3/2017 (đính kèm bảng lương). Tiền lương từ ngày 27/02/2017 đến ngày 27/10/2017, Công ty không chấp nhận do thời gian này bà T đã nghỉ việc nên không có căn cứ để Công ty chi trả; Căn cứ Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017, bà T làm việc tại Công ty từ ngày 7/6/2008 tính đến ngày 31/12/2008 được 6 tháng 24 ngày (tính tròn 1 năm), chưa đủ 2 năm nên Công ty đã hỗ trợ tối thiểu 2 tháng tiền lương là 7.495.000 đồng và bà T đã nhận theo Biên bản thỏa Tận ngày 01/03/2018; Công ty giám biên chế bà T theo đúng trình tự pháp luật quy định, bà T đã chính thức nghỉ việc từ ngày 01/4/2017 nên không có căn cứ để Công ty đóng các khoản bảo hiểm cho bà; Theo hợp đồng lao động, Công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà T từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/3/2017. Do đó, thời gian từ ngày 01/01/2009 trở về sau Công ty không có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc mà do bảo hiểm xã hội nhà nước chi trả. Công ty cho bà T nghỉ việc vì lý do kinh tế nên việc bà T yêu cầu bồi thường 2 tháng tiền lương do Công ty không muốn tiếp tục cho bà làm việc cũng không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường tai nạn lao động ngày 20/02/2017, Công ty không đồng ý vì không có căn cứ.

*Đại diện Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.



[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[3] Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 03/09/NV1/NV ngày 05/01/2009 có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và Công ty cổ phần NV (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký kết Hợp đồng lao động loại không xác định thời hạn, công việc phải làm là công N sản xuất tấm lợp. Thực tế bà T vào làm việc tại Công ty từ ngày 7/6/2008. Do vậy, thời gian làm việc của bà T được tính từ ngày 7/6/2008 như cấp sơ thẩm xác định là có cơ sở.

[4] Ngày 30/3/2017, Công ty ban hành Quyết định số 072/2017/QĐ-NV đối với bà T với lý do chấm dứt Hợp đồng lao động là cắt giảm do Công ty sắp xếp lại theo phương án sử dụng lao động kể từ ngày 01/4/2017.

[4.1] Xét, trước khi ban hành quyết định nêu trên thì Công ty đã trao đổi, phối hợp với Công đoàn cơ sở của Công ty lập phương án sử dụng lao động ngày 28/12/2016 có kèm theo danh sách người lao động phải chấm dứt Hợp đồng lao động, trong đó có bà T. Phương án này đã được gửi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 03/01/2017. Đồng thời Công ty ra thông báo cho người lao động nghỉ việc vì lý do kinh tế. Danh sách người lao động nghỉ việc theo thông báo đính kèm theo phương án sử dụng lao động trong đó có bà T. Đến ngày 17/01/2017, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có Công văn số 1310/SLĐTBXH-VL về việc cho người lao động thôi việc vì lý do kinh tế.

[4.2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Bộ luật Lao động: Trong trường hợp vì lý do kinh tế mà nhiều người lao động có nguy cơ mất việc làm, phải thôi việc, thì người sử dụng lao động phải xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật này.

[4.3] Các lý do kinh tế quy định tại khoản này được hướng dẫn bởi khoản 2 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, cụ thể:

2. Lý do kinh tế tại khoản 2 Điều 44 của Bộ luật Lao động Tộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khủng hoảng hoặc suy thoái kinh tế.

3. Việc cho thôi việc đối với nhiều người lao động theo quy định tại Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và thông báo trước 30 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

Khoản này được hướng dẫn bởi Điều 7 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động, cụ thể:

Điều 7. Thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh khi thay đổi cơ cấu, công nghệ và lý do kinh tế.

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trước 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh biết trước khi tiến hành cho thôi việc từ 02 người lao động trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP.

[4.4] Theo quy định nêu trên thì việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty đối với bà T Tộc trường hợp vì lý do kinh tế quy định tại Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2012. Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 đối với bà T với lý do chấm dứt hợp đồng lao động là cắt giảm do Công ty sắp xếp lại theo phương án sử dụng lao động kể từ ngày 01/4/2017 đã được ban hành có căn cứ, trình tự, thủ tục và nội dung đúng quy định tại Điều 44 Bộ luật Lao động, như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Bộ luật Lao động : Trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm mà phải cho người lao động thôi việc thì phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật này.

[6] Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định:

1. Người sử dụng lao động trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 của Bộ luật này, mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương.

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

3. Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 6 tháng liền kề trước khi người lao động mất việc làm.

[6.1] Bà T có thời gian làm việc tại Công ty từ ngày 7/6/2008 đến ngày 31/3/2017. Công ty đã đóng bảo hiểm thất nghiệp cho bà T từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/3/2017. Do đó, thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm từ ngày 7/6/2008 đến ngày 31/12/2008 là 6 tháng 25 ngày. Căn cứ Điều 49 Bộ luật Lao động bà T được trả trợ cấp mất việc làm bằng 02 tháng tiền lương. Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của 6 tháng liền kề trước khi bà T mất việc làm là 3.747.500 đồng/tháng x 2 tháng = 7.495.000 đồng. Khi cho bà T thôi việc, Công ty đã trợ cấp mất việc làm cho bà T số tiền 7.495.000 đồng là đúng theo quy định pháp luật.

[6.2] Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 của Công ty về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà T đã được ban hành có căn cứ, trình tự, thủ tục và nội dung đúng quy định pháp luật nên đây là quyết định hợp pháp. Do đó,

việc bà T yêu cầu hủy quyết định và yêu cầu Công ty bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là không có cơ sở, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T là có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu bồi thường tai nạn lao động xảy ra vào ngày 25/5/2015, nhận thấy: Việc bà T té ngã vào ngày 25/5/2015 dẫn đến bị thương tật 15% phải nghỉ điều trị từ tháng 5/2015 đến tháng 6/2016, là tai nạn lao động như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ. Sau tai nạn lao động, Công ty đã thanh toán toàn bộ chi phí điều trị, trả lương cho bà T đầy đủ trong thời gian điều trị, bà T đã nhận được tiền giải quyết chế độ tai nạn lao động một lần từ cơ quan bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, vào ngày 01/3/2018, Công ty đã thỏa Tận bồi thường tai nạn lao động cho bà T số tiền 15.000.000 đồng vượt quá số tiền mà Công ty phải bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 145 Bộ luật Lao động, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu Công ty phải tiếp tục trả chi phí điều trị và bồi thường tiếp tai nạn lao động là có căn cứ.

[8] Đối với vụ tai nạn lao động xảy ra ngày 20/02/2017, tại cấp sơ thẩm bà T không cung cấp được hồ sơ bệnh án nên cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện cho bà T bằng một vụ án khác. Do yêu cầu này chưa được cấp sơ thẩm giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho bà T bằng vụ án khác như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Án phí lao động sơ thẩm: Bà T được miễn án phí; Công ty cổ phần NV không phải chịu án phí.

[10] Án phí lao động phúc thẩm: Bà T được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 15, 16, 22, 23; khoản 10 Điều 36; khoản 2, khoản 3 Điều 44; Điều 46, 49 Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; Điều 7 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T.

2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 19/2018/LĐ-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án N dân Quận c, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 072/2017/QĐ-NV ngày 30/3/2017 của Công ty cổ phần NV và yêu cầu Công ty cổ phần NV tiếp tục trả số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Xuân T được quyền khởi kiện tranh chấp bồi thường do tai nạn lao động xảy ra vào ngày 20/02/2017 tại Công ty cổ phần NV bằng một vụ án lao động khác.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T được miễn án phí lao động sơ thẩm. Công ty cổ phần NV không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

5.2. Về án phí lao động phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án N dân tối cao;
- Tòa án N dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát N dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận c;
- Tòa án N dân Quận c;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (T.20B).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Kim Thương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM**

**THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**